

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HOC VIEN QUAN LY GIAO DUC

Hội đồng thi đánh giá trình độ tiếng Anh chuẩn đầu ra
dành cho sinh viên đại học đợt 1 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
DÀNH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐỢT 1 NĂM 2025**

MÔN THI: Tiếng Anh

KỸ NĂNG:..... PHÒNG THI: 10

NGÀY THI: 25/05/2025

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ	Điểm		Ký tên	Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ		
1	TA 312	210174802010082	Nguyễn Kiên Trung	30/09/2003	Nam					
2	TA 313	210173104030172	Nguyễn Quốc Trung	05/07/2003	Nam					
3	TA 314	210174802010199	Trần Trí Trung	02/12/2003	Nam					
4	TA 315	2074802010116	Đàm Huy Trường	25/11/2002	Nam					
5	TA 316	210173104030123	Phạm Văn Trường	07/11/2003	Nam					
6	TA 317	210171401140113	Hoàng Anh Tú	28/05/2003	Nữ					
7	TA 318	210173101010086	Trần Thị Minh Tú	13/10/2003	Nữ					
8	TA 319	210173404060117	Nguyễn Văn Tuấn	09/11/2003	Nam					
9	TA 320	220173104030076	Nguyễn Văn Tuấn	08/09/2004	Nam					
10	TA 321	210173404060122	Phạm Văn Tuấn	02/11/2003	Nam					
11	TA 322	210174802010201	Trần Anh Tuấn	18/12/2003	Nam					
12	TA 323	210173104030036	Ma Tiến Tùng	26/07/2003	Nam					
13	TA 324	210173104030068	Phạm Đình Tụng	10/11/2003	Nam					
14	TA 325	210171401140053	Triệu Trần Thanh Tuyền	28/10/2003	Nữ					
15	TA 326	220173104030077	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	13/03/2004	Nữ					
16	TA 327	210173104030037	Nguyễn Thu Uyên	14/09/2003	Nữ					
17	TA 328	2073401010038	Nguyễn Vũ Hoàng Uyên	14/11/2002	Nữ					
18	TA 329	210173104030175	Vũ Thị Vân Uyên	28/05/2003	Nữ					
19	TA 330	210173101010045	Đỗ Thị Vân	14/06/2003	Nữ					
20	TA 331	220173104030079	Nguyễn Hồng Vang	06/02/2004	Nữ					
21	TA 332	2074802010122	Đoàn Văn Việt	08/10/2002	Nam					
22	TA 333	210173104030176	Nguyễn Tiến Vinh	22/01/2003	Nam					
23	TA 334	210171401140029	Nguyễn Tường Vy	01/08/2003	Nữ					
24	TA 335	2073104030078	Đinh Thu Xuân	26-09-2002	Nữ					
25	TA 336	210173104030105	Hoàng Thị Xuân	09/01/2003	Nữ					
26	TA 337	210173101010089	Nguyễn Hải Xuân	22/03/2003	Nữ					
27	TA 338	210173404060118	Hoàng Thị Yên	20/05/2003	Nữ					
28	TA 339	210173104030070	Nguyễn Thị Mai Yên	19/10/2001	Nữ					
29	TA 340	210173404060066	Giáp Thị Yến	15/08/2003	Nữ					

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số tờ	Điểm		Ký tên	Ghi chú
							Bảng số	Bảng chữ		
30	TA 341	210173104030071	Nguyễn Hải Yến	09/12/2003	Nữ					
31	TA 342	210173104030125	Nguyễn Thị Yến	12/03/2002	Nữ					
32	TA 343	210173104030106	Phùng Thị Xuân Yến	29/05/2003	Nữ					
33	TA 344	210173404060067	Trần Hải Yến	13/10/2003	Nữ					
34	TA 345	210173404060084	Trần Thị Hải Yến	18/10/2003	Nữ					